

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 407 /2023/DS-PT

Ngày 01 – 8 - 2023

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thanh Bình.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLPT-DS ngày 09/6/2023 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 629/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1978 (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/5/2023)

Địa chỉ: khu vực 4, phường 4, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn Việt – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Võ Công T**, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Tô Thị Ánh H**, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

2. Chị **Võ Thúy H1**, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông có phần đất ở thửa 3398 với diện tích là 1.235m², được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011, nguồn gốc đất là do cha, mẹ ông để lại, sau đó ông có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thùy Dung khoảng 120m². Đến năm 2014 thì được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 341 với diện tích là 996,2m². Phần đất của ông H giáp với phần đất của ông Võ Công T ở hướng Tây và giữa phần đất của ông giáp với ông T là một con mương có chiều ngang 04 m. Đến năm 2011 phía ông T cắm ranh thì ông mới phát hiện ông T đã lấn sang đất của ông chiều ngang 1,5 m và chiều dài khoảng 40m và có yêu cầu ông T di dời nhưng phía ông T không thực hiện, hiện tại phần đất lấn chiếm phía ông T đã làm hàng rào và đã san lấp mặt bằng. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại cho ông phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế là 36,9m² và yêu cầu ông T phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu vì trước đây là con mương thoát nước và hoàn trả toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 4.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Võ Công T trình bày:

Vào năm 1997 ông có chuyển nhượng của bà Hồ Thị Xướng phần đất có diện tích khoảng 1.000m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2014 thì được cấp đổi lại thành hai thửa là thửa 385 có diện tích là 805m² và thửa 343 có diện tích là 78,4m², khi nhận chuyển nhượng bà Xướng có chỉ ranh rõ ràng và ông Nguyễn Văn Tước là cha của ông H xác định con mương là mỗi người một nửa và ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Đến năm 2021 thì mới làm hàng rào theo đúng vị trí ranh trước đây và có yêu cầu các hộ giáp ranh chứng kiến trong đó có phía gia đình ông H và ông không có lấn sang phần đất của ông H như ông H yêu cầu.

Nay ông không đồng ý trả lại phần đất có diện tích là 36,9m² và chi phí tố tụng như ông H yêu cầu.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Ánh H và chị Võ Thúy H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 28/10/2022 thống nhất với yêu cầu của ông T trình bày và cũng ông không có bổ sung gì thêm.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 và Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Võ Công T trả lại phần đất với diện tích là 36,9m² và chi phí tố tụng với số tiền là 4.000.000 đồng.

2. Án phí : Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0010159 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên thi hành xong phần án phí.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 08/5/2023, nguyên đơn Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Phạm Thị Tuyết M – đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có nhiều lập luận cho rằng: Thửa đất số 385 và thửa 343 của ông T được UBND huyện CB cấp cho hộ ông T, trong hộ ông T ngoài bà Tô Thị Ánh H và chị Võ Thúy H1 còn có anh Võ Tấn Tài – con trai của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa 02 người con của bà Xướng là người xác định chính xác ranh đất giữa hộ ông T với ông H và các hộ dân đang sử dụng con mương tưới tiêu nước tham gia tố tụng là có thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng tố tụng; chưa xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Ông Võ Công T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ và xử có căn cứ. Ông Nguyễn Văn H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Ánh H và chị Võ Thúy H1 vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 16, diện tích 996,2m², tọa lạc tại ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 01996 do Ủy ban nhân dân huyện CB cấp ngày 10/11/2014 cấp cho ông Nguyễn Văn H (Bút lục 11) giáp ranh với thửa đất số 385, tờ bản đồ số 16, diện tích 805m², tọa lạc tại ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 04275 do UBND huyện CB cấp ngày 31/12/2014 cấp cho hộ ông Võ Công T (Bút lục 01, 43). Qua đo đạc thực tế theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16/12/2022 của Công ty TNHH đo đạc Đông Hải (Bút lục 75), thửa 341 của ông H có diện tích 1.006,6m²; thửa số 385 của ông T có diện tích 723m²; phần đất tranh chấp có diện tích 36,9m². Như vậy, qua đo đạc thực tế, thửa đất số 341 của ông H tăng 10,4m², nếu cộng phần đất tranh chấp 36,9m² thì thửa số 341 của ông H có diện tích 1.043,5m², dư 47,3m²; thửa đất 385 của ông T giảm 82m²; nếu cộng phần diện tích tranh chấp 36,9m² thì thửa đất số 385 của ông T vẫn còn thiếu 45,1m².

Ông T xác định: Trên phần đất tranh chấp ông có làm hàng rào kết cấu cột bê tông cốt thép, khung sắt lưới B40 từ năm 2021, ông H không có ý kiến gì; khi làm thủ tục sang tên cho ông nhận chuyển nhượng từ bà Hồ Thị Xướng thì ông H và cha của ông H - ông Nguyễn Văn Tước có ra chỉ ranh đo đạc và nói con mương mỗi bên ½, có chính quyền địa phương chứng kiến, ông sử dụng từ đó cho đến nay (Bút lục 49).

Ông H cho rằng thửa 385 của ông T giáp mí con mương ngang 04m, dài khoảng 40m thuộc thửa số 341 của ông, con mương do cha của ông đào từ trước năm 1975, ông T đã san lấp mặt bằng, xây hàng rào lấn qua con mương của ông ngang 1,5m, dài 40m (Bút lục 23, 54). Nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh toàn bộ con mương ngang 04m, dài 40m thuộc quyền sử dụng đất của ông. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thừa nhận ông và cha của ông – ông Nguyễn Văn Tước có chỉ ranh giới khi đo đạc cấp quyền sử dụng đất cho ông T khi ông T nhận chuyển nhượng từ bà Hồ Thị Xướng (Bút lục 81), phù hợp với hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đất giữa bà Xướng với ông T tại Biên bản về việc đo đạc chỉnh lý biên động hình thể đất đai ngày 18/6/1998 thể hiện ông Nguyễn Văn Tước có ký tên hộ giáp ranh.

Ông H thừa nhận khi ông H được cấp lại quyền sử dụng đất sau chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Thùy Dung thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông thể hiện con mương có chiều ngang 02m, mà ông không có khiếu nại gì với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền (Bút lục 81). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Tuyết M – đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng: Năm 2008 ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu; năm 2011 ông H được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00557 cấp ngày 25/4/2011 đối với thửa số 3398, tờ bản đồ số DHH3, diện tích 1.235m²; nhưng năm 2014 ông H được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01996 đối với

diện tích 996,2m², diện tích đất ông H được cấp lại năm 2014 bị thiếu; ông H đã có khiếu nại.

Tuy nhiên, bà M – đại diện theo ủy quyền của ông H thừa nhận năm 2008 và năm 2011 khi cấp quyền sử dụng đất cho ông H không có đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông H; đồng thời bà M – đại diện theo ủy quyền của ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông H có khiếu nại việc cấp quyền sử dụng đất thiếu và đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Ông H kháng cáo nhưng ông H và đại diện theo ủy quyền của ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông H là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự và Điều 166, 170, 203 Luật đất đai.

[3] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Võ Công T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH 04275 do UBND huyện CB cấp ngày 31/12/2014 cấp cho ông Võ Công T đối với thửa số 385, tờ bản đồ số 16, diện tích 805m², tọa lạc tại ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-2022 ngày 10/02/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng tham gia tố tụng là có thiếu sót. Ngày 05/7/2023 Ngân hàng có Giấy xác nhận, xác nhận: Ông T có vay số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-2022 ngày 10/02/2022. Ngày 03/11/2022 ông T đã tắt toán nợ, hiện nay không có vay vốn tại Agribank chi nhánh huyện CB, Tiền Giang.

Ngoài ra, ngày 24/7/2023 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện CB, tỉnh Tiền Giang có Đơn từ chối tham gia tố tụng với nội dung: Ông H có vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 6902LAV2022 00134 ngày 07/01/2022 với số tiền vay ban đầu là 15.000.000 đồng, dư nợ hiện tại là 10.000.000 đồng và tài sản thế chấp là thửa đất có diện tích 996m² tại ấp PH, xã ĐHH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BO 303750 do UBND huyện CB cấp ngày 10/11/2014 cấp cho ông Nguyễn Văn H; Ông H trả nợ đúng hạn, có khả năng trả nợ và có cam kết trả nợ trước thời hạn nếu Tòa án xử thua, cho nên Ngân hàng xin không tham gia vụ án này và xin vắng mặt.

Xét thấy: Thiếu sót này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục và cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, không thay đổi được bản chất của tranh chấp giữa các bên đương sự; Ngân hàng từ chối tham gia tố tụng là quyền định đoạt của đương sự, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa 02 người con của bà Xướng, các hộ dân phía sau đất của ông T đang sử dụng phần đất tranh chấp để bơm nước tưới tiêu và con của ông T là anh Võ Tấn Tài – là thành viên trong hộ ông T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là có thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M – đại diện theo ủy quyền của ông H xác định đất tranh chấp không phải con mương công cộng, con mương do cha của ông H – ông Tước đào.

Xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 385 và thửa 343 được UBND huyện CB cấp cho hộ ông T, là do ông T nhận chuyển nhượng từ bà Hồ Thị Xướng vào năm 1997; anh Võ Tấn Tài sinh năm 1990 – con của ông T, tuy là thành viên trong hộ ông T nhưng tại thời điểm ông T nhận chuyển nhượng thì anh Tấn Tài là người chưa thành niên, anh Tài không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có công sức đóng góp trong việc hình thành nên 02 thửa đất nêu trên; ông T và anh Tài chưa có tranh chấp, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Giữa ông T với các con của bà Xướng không có tranh chấp về giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp; mặc dù các hộ phía sau có sử dụng đất tranh chấp làm đường thoát nước, tưới tiêu nhưng con mương không phải là đường thoát nước, tưới tiêu công cộng. Vì vậy, các con của bà Xướng và các hộ phía sau không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người nêu trên tham gia tố tụng là có cơ sở.

[5] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Cho nên yêu cầu kháng cáo của ông H là không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông H không có căn cứ pháp luật, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166 và Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Võ Công T trả lại phần đất với diện tích là 36,9m² và chi phí tố tụng với số tiền là 4.000.000 đồng.

2. Về án phí :

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0010159 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên thi hành xong phần án phí.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011338 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB, nên xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 35 phút ngày 01/8/2023, có mặt ông T.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CB;
 - CCTHADS huyện CB;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung